

**CÔNG TY TNHH PANASIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PANASIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PANASIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0316291387

**3. Ngày thành lập:** 26/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

26 (R4-53), Đường Nội Khu Mỹ Toàn 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh) | 4791                                                         |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610                                                         |
| 3.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629                                                         |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5630                                                         |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4620                                                         |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)                                                                                                                                                                                           | 4722                                                         |
| 7.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4723                                                         |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống lưu động hoặc tại chợ (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)                                                                                   | 4781                                                         |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632(Chính)                                                  |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633                                                         |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659                                                         |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759                                                         |
| 13. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                                                                               | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LEE JEHWAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/12/1986

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M06987447

Ngày cấp: 31/05/2019

Nơi cấp: Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1F # 120-5 Galhyun ro, Eunpyung gu, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: 26 (R4-53) Nội Khu Mỹ Toàn 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh